

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 09/CV-NET/2021

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/V: Công bố Báo cáo tài chính Quý 4-2020

---oOo---

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**
2. Mã chứng khoán: NET
3. Trụ sở chính: Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn  
Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
4. Điện thoại: 0251 3682101 FAX: 0251 3682106
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà **THÁI THỊ HỒNG YẾN**
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1. Báo cáo Tài chính Quý 4- năm 2020 của Công ty Cổ phần Bột giặt NET được lập ngày 18 tháng 01 Năm 2021 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.netcovn.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KTTK

THÁI THỊ HỒNG YẾN

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600642822 ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600642822 ngày 26 tháng 5 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Ông Trần Quốc Cường	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)
	Thành viên (từ ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên (từ ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên (đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)

**Ban Giám đốc**

Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

**Trụ sở đăng ký**

Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn  
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>388.752.612.343</b>	<b>254.792.224.647</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>39.563.916.661</b>	<b>36.532.947.546</b>
Tiền	111		14.563.916.661	8.432.947.546
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	28.100.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>85.300.000.000</b>	<b>63.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	85.300.000.000	63.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.201.499.922</b>	<b>49.704.850.015</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	58.608.876.742	47.480.165.795
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.192.188.589	304.021.168
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.400.434.591	1.920.663.052
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>198.920.247.289</b>	<b>104.650.353.578</b>
Hàng tồn kho	141		198.920.247.289	104.650.353.578
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.766.948.471</b>	<b>404.073.508</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.631.703.671	404.073.508
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		135.244.800	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>306.888.358.060</b>	<b>321.698.917.596</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>249.793.492.269</b>	<b>262.541.372.831</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	249.312.450.592	262.355.164.494
Nguyên giá	222		385.117.730.348	378.756.573.807
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.805.279.756)	(116.401.409.313)
Tài sản cố định vô hình	227	11	481.041.677	186.208.337
Nguyên giá	228		549.000.000	205.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.958.323)	(18.791.663)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>10.519.652.511</b>	<b>12.031.275.655</b>
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.986.024.408)	(22.474.401.264)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>727.469.940</b>	<b>20.000.000</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		727.469.940	20.000.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.847.743.340</b>	<b>47.106.269.110</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	45.847.743.340	47.106.269.110
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>695.640.970.403</b>	<b>576.491.142.243</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>308.518.446.622</b>	<b>267.201.753.442</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>308.418.446.622</b>	<b>267.101.753.442</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	201.953.380.112	170.411.435.582
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.141.553.837	29.938.604.170
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	5.591.019.658	2.562.508.365
Phải trả người lao động	314		16.850.499.792	12.935.604.490
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	34.128.206.478	18.481.070.432
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	385.404.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.066.530.037	13.183.950.939
Vay ngắn hạn	320	19	20.698.633.290	9.446.409.810
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.988.623.418	9.756.765.654
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>387.122.523.781</b>	<b>309.289.388.801</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>387.122.523.781</b>	<b>309.289.388.801</b>
Vốn cổ phần	411	21	223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.432.230.139	69.599.095.159
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.020.997.559	12.884.420.663
- LNST năm nay/năm trước	421b		133.411.232.580	56.714.674.496
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>695.640.970.403</b>	<b>576.491.142.243</b>

Ngày 18 tháng 1 năm 2021

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
 Kế toán Trưởng



Người duyệt:

Thái Thị Hồng Yến  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã Thuyết số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
		2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND
01	24	380.615.565.174	352.645.012.714	1.490.490.627.534	1.157.310.901.105
02	24	17.280.352.995	-	20.376.719.213	-
10		363.335.212.179	352.645.012.714	1.470.113.908.321	1.157.310.901.105
11	25	274.345.091.917	272.972.641.216	1.125.627.738.302	923.578.042.792
20		88.990.120.262	79.672.371.498	344.486.170.019	233.732.858.313
21	26	2.930.221.001	1.835.889.092	9.308.908.250	5.784.026.756
22	27	296.825.507	315.207.760	2.388.018.535	2.710.674.263
23		165.095.994	137.411.251	602.083.868	1.665.080.319
25		48.496.329.888	44.493.419.284	165.894.616.967	124.649.566.982
26		8.442.972.076	7.495.375.361	32.240.382.521	26.579.643.971
30		34.684.213.792	29.204.258.185	153.272.060.246	85.576.999.853
31		150.622.703	50.135.238	729.713.498	1.317.180.062
32		112.002.384	-	314.942.079	614.783.957
40		38.620.319	50.135.238	414.771.419	702.396.105
50		34.722.834.111	29.254.393.423	153.686.831.665	86.279.395.958

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (mang từ trang trước sang)	34.722.834.111	29.254.393.423	153.686.831.665	86.279.395.958
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.001.028.737	1.720.744.327	20.275.599.085	5.156.022.262
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	29.721.805.374	27.533.649.096	133.411.232.580	81.123.373.696

Mã Thuyết số minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
	2020 VND	2019 VND (điều chỉnh lại)	2020 VND	2019 VND (điều chỉnh lại)
Lãi trên cổ phiếu	70	28	1.327	1.136
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			5.956	3.251

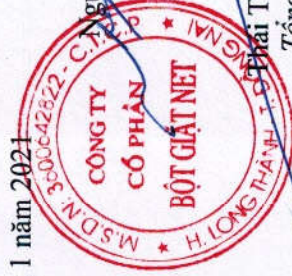
Ngày 18 tháng 1 năm 2021

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trần Thị Hồng Yến  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>153.686.831.665</b>	<b>86.279.395.958</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	20.964.660.247	21.547.036.168
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.842.929)	17.585.732
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.798.527.861)	(4.141.045.442)
Chi phí lãi vay	06	602.083.868	1.665.080.319
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>168.448.204.990</b>	<b>105.368.052.735</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(12.724.487.814)	(13.986.636.464)
Biến động hàng tồn kho	10	(94.269.893.711)	24.178.369.141
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	30.512.905.159	15.450.888.891
Biến động chi phí trả trước	12	1.258.525.770	1.530.413.009
		<b>93.225.254.394</b>	<b>132.541.087.312</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(602.050.329)	(1.660.577.183)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.995.314.675)	(5.223.619.447)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.590.142.236)	(3.194.427.429)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>70.037.747.154</b>	<b>122.462.463.253</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.565.978.451)	(630.523.545)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(59.600.000.000)	(54.000.000.000)
Tiền thu từ tất toán tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	37.800.000.000	264.904.600
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.816.851.971	3.918.872.024
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(24.549.126.480)</b>	<b>(50.446.746.921)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		128.120.561.610	174.681.428.143
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(116.823.559.800)	(248.963.985.584)
Tiền chi trả cổ tức	36		(53.755.436.400)	(51.515.626.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(42.458.434.590)</b>	<b>(125.798.183.991)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.030.186.084</b>	<b>(53.782.467.659)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>36.532.947.546</b>	<b>90.315.322.234</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>783.031</b>	<b>92.971</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>39.563.916.661</b>	<b>36.532.947.546</b>

Ngày 18 tháng 1 năm 2021

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Thái Thị Hồng Yến  
Tổng Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính năm đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt NET là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2020: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất ngành tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản.

##### **(c) Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 592 nhân viên (1/1/2020: 552 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **(c) Các khoản đầu tư**

#### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

#### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 – 10 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- vật kiến trúc 5 – 20 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí sử dụng hạ tầng**

Chi phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(o) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu gia công**

Doanh thu cung cấp gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **(q) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

### **(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

### **(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	825.376.325	745.564.577
Tiền gửi ngân hàng	13.738.540.336	7.687.382.969
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	28.100.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>39.563.916.661</b>	<b>36.532.947.546</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	85.300.000.000	63.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 3,7% - 4,6% một năm (2019: 6,2% - 6,7% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce	13.306.881.061	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	986.100.000	858.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	871.840.821	890.164.931
Tạm ứng	26.900.000	43.571.700
Phải thu khác	515.593.770	128.926.421
	<hr/>	<hr/>
	2.400.434.591	1.920.663.052
	<hr/>	<hr/>

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	6.967.192.940	-	-	-
Nguyên vật liệu	137.030.048.677	-	75.903.916.053	-
Công cụ và dụng cụ	450.049.440	-	250.910.227	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.111.388.897	-	1.152.034.298	-
Thành phẩm	52.361.567.335	-	27.343.493.000	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	198.920.247.289	-	104.650.353.578	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	226.254.905.055	140.571.375.313	10.566.998.772	1.363.294.667	378.756.573.807
Tăng trong năm	398.318.182	3.466.930.909	391.054.364	535.079.545	6.361.156.541
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	909.239.905	660.533.636	-	-	1.569.773.541
Số dư cuối năm	227.562.463.142	144.698.839.858	10.958.053.136	1.898.374.212	385.117.730.348
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	29.924.272.088	79.398.246.161	6.176.805.521	902.085.543	116.401.409.313
Khấu hao trong năm	10.292.804.333	8.272.357.614	739.105.996	99.602.500	19.403.870.443
Số dư cuối năm	40.217.076.421	87.670.603.775	6.915.911.517	1.001.688.043	135.805.279.756
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	196.330.632.967	61.173.129.152	4.390.193.251	461.209.124	262.355.164.494
Số dư cuối năm	187.345.386.721	57.028.236.083	4.042.141.619	896.686.169	249.312.450.592

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 57.589 triệu VND (1/1/2020: 47.989 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	205.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	344.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	549.000.000
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	18.791.663
Khấu hao trong năm	49.166.660
	<hr/>
Số dư cuối năm	67.958.323
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	186.208.337
Số dư cuối năm	481.041.677
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	20.326.063.075	2.148.338.189	22.474.401.264
Khấu hao trong năm	1.432.170.792	79.452.352	1.511.623.144
Số dư cuối năm	21.758.233.867	2.227.790.541	23.986.024.408
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	11.401.010.136	630.265.519	12.031.275.655
Số dư cuối năm	9.968.839.344	550.813.167	10.519.652.511

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.545 triệu VND (1/1/2020: 2.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê tại ngày lập báo cáo để đưa vào báo cáo tài chính, hiện tại cũng không có hướng dẫn cụ thể để xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hoặc Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê theo giá thị trường có thể chênh lệch so với giá trị thực tế ghi sổ.

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp. Ban Giám đốc của Công ty đã trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 VND.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Phí sử dụng hạ tầng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	45.506.075.490	1.600.193.620	47.106.269.110
Tăng trong năm	-	1.144.710.000	1.144.710.000
Phân bổ trong năm	1.128.249.804	1.274.985.966	2.403.235.770
Số dư cuối năm	44.377.825.686	1.469.917.654	45.847.743.340

**15. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	6.480.460.800	7.787.459.020
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	3.790.299.150	4.311.109.000

Các khoản phải trả thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ cán trừ trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	205.577.194	139.745.958.640	139.643.185.599	-	308.350.235
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.772.774.753	8.908.019.553	135.244.800	-
Thuế nhập khẩu	-	1.241.339.732	1.241.339.732	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.720.744.327	20.275.599.085	16.995.314.675	-	5.001.028.737
Thuế thu nhập cá nhân	636.186.844	1.493.198.003	1.857.191.295	-	272.193.552
Thuế khác	-	2.075.533.623	2.066.086.489	-	9.447.134
	2.562.508.365	173.604.403.836	170.711.137.343	135.244.800	5.591.019.658

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	23.500.969.258	10.289.080.657
Chi phí vận chuyển	3.939.831.518	4.645.668.454
Chi phí hoa hồng	2.702.861.432	1.825.137.325
Chi phí lãi vay	4.536.675	4.503.136
Chi phí khác	3.980.007.595	1.716.680.860
	<b>34.128.206.478</b>	<b>18.481.070.432</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho nhân viên	6.992.828.512	6.491.021.896
Nhận ký quỹ, ký cược	1.186.900.000	1.144.000.000
Kinh phí công đoàn	426.304.995	325.599.439
Phải trả khác	2.460.496.530	5.223.329.604
	<b>11.066.530.037</b>	<b>13.183.950.939</b>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	9.446.409.810	9.446.409.810	128.120.561.610	116.823.559.800
			Đánh giá lại chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
			(44.778.330)	20.698.633.290
				Số có khả năng trả nợ VND
				20.698.633.290

Khoản vay này bằng USD không đảm bảo và trong năm chịu lãi suất năm là 2,0% (2019: 2,5%).

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	47.794.981.663	287.485.275.305
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	81.123.373.696	81.123.373.696
Cổ tức	-	-	(51.516.260.200)	(51.516.260.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.803.000.000)	(7.803.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.411.232.580	133.411.232.580
Cổ tức	-	-	(53.756.097.600)	(53.756.097.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.822.000.000)	(1.822.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

### 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ thường được thành lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh trong tương lai.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	25.981,09	598.474.408	1.347,61	31.131.947
▪ EUR	223,46	6.242.076	234,38	6.050.667
		604.716.484		37.182.614

**24. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
<b>Tổng doanh thu:</b>		
▪ Doanh thu bán hàng	1.436.833.947.465	1.116.619.715.563
▪ Doanh thu gia công và cho thuê bất động sản đầu tư	46.596.030.060	33.217.713.502
▪ Doanh thu khác	7.060.650.009	7.473.472.040
	1.490.490.627.534	1.157.310.901.105
<b>Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Hàng bán bị trả lại	16.788.211.850	-
▪ Chiếu khấu thương mại	3.588.507.363	-
<b>Doanh thu thuần</b>	1.470.113.908.321	1.157.310.901.105

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	1.087.031.483.227	890.713.037.759
▪ Giá vốn gia công và cho thuê bất động sản đầu tư	36.395.059.045	27.394.703.475
▪ Giá vốn khác	2.201.196.030	5.470.301.558
	<hr/>	<hr/>
	1.125.627.738.302	923.578.042.792
	<hr/>	<hr/>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	6.798.527.861	4.141.045.442
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.510.380.389	1.642.981.314
	<hr/>	<hr/>
	9.308.908.250	5.784.026.756
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	602.083.868	1.665.080.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.785.934.667	1.045.593.944
	<hr/>	<hr/>
	2.388.018.535	2.710.674.263
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm báo cáo là 133.411 triệu VND (lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sau khi giảm trừ các khoản cho quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 72.811 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 22.398.374 cổ phiếu (2019: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b> (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	133.411.232.580	72.811.373.696

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và cuối năm-hiện đang lưu hành	22.398.374	22.398.374

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b> (điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.956	3.251

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</b> Mua hàng hóa	40.184.383.400	37.064.672.100
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam</b> Mua hàng hóa	24.931.840.350	14.000.207.780
<b>Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan</b> Bán hàng hóa	89.295.038.986	-
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce</b> Bán hàng hóa	55.729.211.528	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b> Thù lao	2.155.000.000	1.692.161.000

Ngày 18 tháng 1 năm 2021

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Thái Thị Hồng Yến  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*